|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **XÃ HỒNG HƯNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |   Emblem_of_Vietnam  **DANH MỤC**  **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  **LĨNH VỰC:** **CHÍNH SÁCH THUẾ** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **XÃ HỒNG HƯNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hồng Hưng, ngày 07 tháng 7 năm 2022* |

**DANH MỤC TTHC LĨNH VỰC**

**CHÍNH SÁCH THUẾ**

**(01 Thủ tục)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | | **Trang** | |
| **1** | **Kê khai, thẩm định tờ khai bảo vệ môi trường đối với nước thải** | | **3** | |
|  | | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Hà Xuân Nhiệm** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên thủ tục** | **1. Kê khai, thẩm định tờ khai bảo vệ môi trường đối với nước thải** |
| **Lĩnh vực** | Chính sách Thuế |
| **Cơ quan thực hiện** | Ủy ban nhân dân phường, thị trấn |
| **Cách thức thực hiện** | Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước |
| **Đối tượng thực hiện** | Tổ chức |
| **Trình tự thực hiện** | 1.1. Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đối với trường hợp tự khai thác nước để sử dụng  Hàng quý, người nộp phí kê khai phí theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải với Ủy ban nhân dân phường, thị trấn và nộp phí vào tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt” của Ủy ban nhân dân phường, thị trấn mở tại Kho bạc Nhà nước chậm nhất là ngày 20 tháng đầu tiên của quý tiếp theo.  Tổ chức thu phí thực hiện thẩm định Tờ khai phí, trường hợp không đúng với thực tế thì ra Thông báo nộp bổ sung hoặc điều chỉnh giảm số phí phải nộp vào kỳ nộp phí tiếp theo.  1.2. Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp  a) Đối với cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm tính phí từ 20m3/ngày trở lên:  Hàng quý, chậm nhất là ngày 20 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo, người nộp phí kê khai phí theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải với tổ chức thu phí và nộp phí vào tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp” của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước, nộp bổ sung số phí phải nộp theo Thông báo của tổ chức thu phí (nếu có) trong thời hạn 10 ngày kể từ khi có Thông báo.  Tổ chức thu phí thực hiện thẩm định tờ khai phí, trường hợp số phí bảo vệ môi trường phải nộp khác với số phí người nộp phí đã kê khai thì ra Thông báo nộp bổ sung theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải hoặc điều chỉnh giảm số phí phải nộp vào kỳ nộp phí tiếp theo.  b) Đối với cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm tính phí dưới 20m3/ngày:  Người nộp phí kê khai phí một lần với tổ chức thu phí khi mới bắt đầu hoạt động theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, thời gian khai chậm nhất là ngày 20 tháng liền sau tháng bắt đầu hoạt động.  Nộp phí một lần cho cả năm theo Thông báo của tổ chức thu phí, thời hạn nộp phí chậm nhất là ngày 31 tháng 3 hàng năm. Trường hợp cơ sở bắt đầu hoạt động sau ngày 31 tháng 3 hàng năm thực hiện nộp phí theo Thông báo của tổ chức thu phí trong thời hạn 10 ngày kể từ khi có Thông báo.  Tổ chức thu phí thực hiện thẩm định tờ khai phí, trường hợp số phí bảo vệ môi trường phải nộp khác với số phí người nộp phí đã kê khai thì ra Thông báo nộp bổ sung theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải hoặc điều chỉnh giảm số phí phải nộp vào kỳ nộp phí tiếp theo.  c) Đối với các cơ sở sản xuất, chế biến thuộc trách nhiệm quản lý trực tiếp của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng (trường hợp thuộc bí mật quốc phòng, an ninh): Hàng quý, chậm nhất là ngày 20 tháng đầu tiên của quý tiếp theo, người nộp phí kê khai phí (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải) nộp cho Bộ Công an và Bộ Quốc phòng. Bộ Công an và Bộ Quốc phòng thẩm định Tờ khai phí bảo vệ môi trường và Thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường nơi cơ sở hoạt động theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được Tờ khai phí. |
| **Thời hạn giải quyết** | Không quy định thời gian giải quyết. |
| **Phí** | Không |
| **Lệ Phí** | Không |
| **Thành phần hồ sơ** | - Đối với nước thải sinh hoạt: Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.  - Đối với nước thải công nghiệp: Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. |
| **Số lượng bộ hồ sơ** | 01 bộ |
| **Yêu cầu - điều kiện** | Không |
| **Căn cứ pháp lý** | Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. |
| **Biểu mẫu đính kèm** | - Đối với nước thải công nghiệp: Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải   * - Đối với nước thải sinh hoạt: Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. |
| **Kết quả thực hiện** | Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải hoặc điều chỉnh giảm số phí phải nộp vào kỳ nộp phí tiếp theo (nếu có). |

**MẪU SỐ 02**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP**

Quý ……….. Năm ……………

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường ……………………

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Tên người nộp phí: ………………………………………………………………………………….

Địa chỉ: ………………………………………………………………………………………………..

MST:

Điện thoại: ………………….. Fax: ……………………… Email: …………………………………

Tài khoản số: ………………………… Tại ngân hàng: ……………………………………………

Lĩnh vực sản xuất, chế biến: ………………………………………………………………………..

Lượng nước sử dụng trung bình hàng ngày (m3): ……………………………………………….

Phương pháp xử lý nước thải: ………………………………………………………………………

Lượng nước thải trung bình trong năm tính phí (m3/ngày): ……………………………………..

**II. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG QUÝ TÍNH PHÍ**

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này: f = ……………………….. đồng

2. Số phí biến đổi phải nộp trong quý:

a) Tổng lượng nước thải trong quý (m3): ………………………………………………………

Căn cứ để kê khai tổng lượng nước thải trong quý: ………………………………………….

b) Hàm lượng thông số ô nhiễm trong nước thải tính phí:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông số ô nhiễm** | **Hàm lượng (mg/l)** | **Căn cứ để kê khai hàm lượng thông số ô nhiễm (Ghi rõ tên đơn vị phân tích, thời gian phân tích)** |
|  |  |  |
|  |  |  |

c) Số phí biến đổi phải nộp trong quý: Cq = …………………………. đồng

3. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Chỉ tiêu** | **Số tiền (đồng)** |
| 1 | Số phí phát sinh quý này Fq = (f/4) + Cq |  |
| 2 | Số phí từ quý trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có) |  |
| 3 | Số phí nộp thừa từ quý trước (nếu có) |  |
| 4 | Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước (1 + 2 - 3) |  |

**III. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI PHẢI NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC KỲ NÀY LÀ ……………………** (viết bằng chữ) …………..

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Sở Tài nguyên và Môi trường nhận Tờ khai ngày** ………………… *(Người nhận ký và ghi rõ họ tên)* | *………., ngày .... tháng.... năm …….* **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ KHAI, NỘP PHÍ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**MẪU SỐ 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |

**TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI SINH HOẠT**

Quý …… Năm …….

Kính gửi: ………………….. (tên cơ quan thu phí) ……….

Tên đơn vị nộp phí: ……………………………………………………………………………

Địa chỉ: …………………………………………………………………………………………..

Điện thoại: …………………….. Fax: …………………. Email: ……………………………..

Tài khoản số: ………………………….. Tại ngân hàng: …………………………………….

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Chỉ tiêu** |  |
| 1 | Số lượng nước sạch tự khai thác để sử dụng trong quý | ...m3 |
| 2 | Giá bán nước sạch cho đối tượng sản xuất, kinh doanh dịch vụ tại địa phương | đồng/m3 |
| 3 | Mức phí áp dụng tại địa phương | ...% |
| 4 | Số tiền phí phải nộp trong quý (=1 x 2 x 3) | ... |

Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt phải nộp ngân sách nhà nước (viết bằng chữ): ……………………………………………………………………………………….

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên đây là đầy đủ và chính xác./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………., ngày ... tháng ... năm ..…...* **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |